

BỘ MÃ HÓA VÒNG QUAY TƯƠNG ĐỐI LOẠI TRỰC ĐƯỜNG KÍNH Ø30MM

■ Đặc điểm

- Bộ mã hóa vòng quay loại Trục nhỏ có đường kính Ø30mm
- Dễ dàng lắp đặt trong không gian hẹp
- Mô-men quán tính nhỏ
- Nguồn cấp: 5VDC, 12-24VDC ±5%
- Có nhiều loại ngõ ra

⚠ Vui lòng đọc kỹ "Chú ý an toàn cho bạn" trong hướng dẫn hoạt động trước khi sử dụng thiết bị.



■ Thông tin đặt hàng

E30S — **4** — **3000** — **3** — **N** — **24** —

Series	Đường kính trục	Xung/ 1 Vòng	Pha ngõ ra	Ngõ ra	Nguồn cấp	Cáp
Đường kính Ø30mm, Loại Trục	Ø4mm	Xem độ phân giải	3 : A, B, Z 6 : A, $\bar{A}$, B, $\bar{B}$, Z, $\bar{Z}$	T: Ngõ ra Totem pole N: Ngõ ra NPN collector hở V: Ngõ ra điện áp L: Ngõ ra Line driver(※)	5: 5VDC ±5% 24: 12-24VDC ±5%	Không kí hiệu: Loại cáp C: Loại giắc cắm cáp(※)

※ Loại chuẩn: E30S4-XUNG-3-N-24

※Loại chuẩn: A, B, Z ※Nguồn cấp của ngõ ra Line driver chỉ có 5VDC

※Độ dài cáp: 250mm

■ Thông số kỹ thuật

Tên sản phẩm		Bộ mã hóa vòng quay tương đối loại Trục có đường kính Ø30mm	
Độ phân giải (P/R)		100, 200, 360, 500, 1000, 1024, 3000 (Có thể đặt hàng theo yêu cầu độ phân giải riêng)	
Thông số kỹ thuật điện	Pha ngõ ra	Pha A, B, Z (Line driver: Pha A, A, B, B, Z, Z)	
	Sự khác biệt pha ngõ ra	Sự khác biệt pha giữa A và B : $T \pm \frac{T}{4}$ ($T = \frac{1}{8}$ chu kỳ pha A)	
	Ngõ ra điều khiển	Ngõ ra Totem pole	• Low - Dòng điện tải: Max. 30mA, Điện áp dư: Max. 0.4VDC • High - Dòng điện tải: Max. 10mA, Điện áp ngõ ra (Điện áp nguồn 5VDC): Min. (Điện áp nguồn-2.0)VDC, Điện áp ngõ ra (Điện áp nguồn 12-24VDC): Min. (Điện áp nguồn-3.0)VDC
		Ngõ ra NPN collector hở	Dòng điện tải: Max. 30mA, Điện áp dư: Max. 0.4VDC
		Ngõ ra điện áp	Dòng điện tải: Max. 10mA, Điện áp dư: Max. 0.4VDC
		Ngõ ra Line driver	• Low - Dòng điện tải: Max. 20mA, Điện áp dư: Max. 0.5VDC • High - Dòng điện tải: Max. -20mA, Điện áp ngõ ra: Min. 2.5VDC
	Thời gian đáp ứng (Rise/Fall)	Ngõ ra Totem pole	Max. 1µs
		Ngõ ra NPN collector hở	Max. 1µs
		Ngõ ra điện áp	Max. 1µs(5VDC: Trở kháng ngõ ra 820Ω), Max. 2µs(12-24VDC: Trở kháng ngõ ra 4.7kΩ)
		Ngõ ra Line driver	Max. 0.5µs
	Tần số đáp ứng Max.	300kHz	
	Nguồn cấp	• 5VDC ±5% (Dao động P-P: Max. 5%) • 12-24VDC ±5% (Dao động P-P: Max. 5%)	
	Dòng điện tiêu thụ	Max. 80mA (không có tải), Ngõ ra Line driver: Max. 50mA (không có tải)	
	Trở kháng cách ly	Min. 100MΩ (sóng kể mức 500VDC giữa các chân đầu nối và vỏ thiết bị)	
	Độ bền điện môi	750VAC 50/60Hz trong 1 phút (Giữa các chân đầu nối và vỏ thiết bị)	
Thông số kỹ thuật cơ khí	Kết nối	Loại cáp, Loại giắc cắm cáp 250mm	
	Mô-men khởi động	Max. 20gf·cm (0.002N·m)	
	Mô-men quán tính	Max. 20g·cm ² (2×10^{-6} kg·m ²)	
	Trục chịu tải	Xuyên tâm: Max. 2kgf, Chịu đè: Max. 1kgf	
	Vòng quay cho phép Max. ※1	5000rpm	
	Chấn động	Biên độ 1.5mm hay 300m/s ² ở tần số 10~55Hz (trong 1 phút) theo mỗi phương X, Y, Z trong 2 giờ	
	Va chạm	Khoảng Max. 50G	
	Môi trường	Nhiệt độ môi trường	-10~70°C, bảo quản: -25~85°C
Cấu trúc bảo vệ	Độ ẩm môi trường	35~85%RH, bảo quản: 35~90%RH	
		IP50 (Tiêu chuẩn IEC)	
	Cáp	Ø5, 5-dây, Độ dài: 2m, Cáp shield (Line driver: Ø5, 8-dây)	
	Phụ kiện	Khớp nối Ø4mm	
	Chứng nhận	CE (Ngoại trừ ngõ ra Line driver)	
	Trọng lượng	Khoảng 80g	

※1: Khi lựa chọn độ phân giải hãy đảm bảo sao cho "Vòng quay đáp ứng Max." ≤ "Vòng quay Max. cho phép"

$$[\text{Vòng quay đáp ứng Max. (rpm)}] = \frac{\text{Tần số đáp ứng Max.}}{\text{Độ phân giải}} \times 60[\text{giây}]$$

※Không dùng sản phẩm trong môi trường ngưng tụ hoặc đông đặc.

